

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 59/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 23/8/2018.

V/v: “Xin ly hôn”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Văn An**.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Thành Thái.
2. Bà Phạm Hồng Gái.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Tuyết Mai** – Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa:* Ông **Lương Thành Trung** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 105/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018 về việc “Xin ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 30/7/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 73/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Công T1**, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 3, ấp Thuận Tiến, xã BS, huyện HĐ, tỉnh KG.

Bị đơn: Bà **Đỗ Thị Anh T2**, sinh năm 1957 (có mặt).

HKTT: ấp Thuận Tiến, xã BS, huyện HĐ, tỉnh KG.

Nơi ở hiện nay: ấp Thuận Hòa, xã BS, huyện HĐ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Công T1 trình bày:*

Về hôn nhân: Giữa tôi và bà T2 chung sống với nhau từ năm 1990 cho đến nay

nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp hay cãi vã, từ đó chúng tôi đã sống ly thân từ 2013 cho đến nay.

Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân không đạt được mục đích nên tôi yêu cầu Tòa án không công nhận tôi và bà T2 là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 03 người con chung tên Nguyễn Thanh Tùng, sinh năm 1991, Nguyễn Thanh Long, sinh năm 1993 và Nguyễn Ngọc Trâm, sinh năm 1997. Hiện các con đã lớn, các con muốn sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, tôi không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Nếu sau này không thỏa thuận được tôi sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác.

** Theo bản tự khai, quá trình làm việc tại tòa án và tại phiên tòa bà Đỗ Thị Anh T2 trình bày:*

Về hôn nhân: Tôi đồng ý với lời trình bày của ông T1. Chúng tôi chung sống với nhau từ năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn với nhau. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã và hiện đã ly thân từ tháng 7/2017 cho đến nay. Nay ông T1 yêu cầu ly hôn với tôi thì tôi cũng đồng ý.

Về con chung: Có 03 người con chung như ông T1 trình bày. Hiện các con đã lớn, các con muốn sống với ai thì người đó nuôi dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Nếu sau này không thỏa thuận được tôi sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] Về thẩm quyền: Đối với tranh chấp về hôn nhân gia đình giữa ông Nguyễn Công T1 và bà Đỗ Thị Anh T2. Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Công T1 và bà Đỗ Thị Anh T2 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn và chưa được cơ quan có thẩm quyền nào cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Việc này đã vi phạm Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Tại khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: ...1. *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền (cơ quan đăng ký kết hôn) thực hiện theo nghi thức tại Điều 14 của Luật này. Mọi nghi thức kết hôn không theo nghi thức tại Điều 14 của Luật này đều không có giá trị pháp lý. Nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng...”*.

Đồng thời tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: ...1. *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý...”*.

Như vậy việc ông T1 và bà T2 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Mặt khác, theo lời trình bày của các đương sự quá trình chung sống giữa ông bà thường xuyên xảy ra cãi vã, không hòa hợp và không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét tuyên bố quan hệ hôn nhân giữa ông T1 và bà T2 không có giá trị pháp lý và không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: ông T1 và bà T2 đều thừa nhận giữa ông bà có 03 người con chung tên Nguyễn Thanh Tùng, sinh năm 1991, Nguyễn Thanh Long, sinh năm 1993 và Nguyễn Ngọc Trâm, sinh năm 1997. Hiện các con đã lớn, các con muốn sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Xét thấy các con chung của ông T1 và bà T2 đều đã trên 18 tuổi, các anh chị này muốn ở với ai thì do các anh chị này tự quyết định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đều trình bày có tài sản chung và tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Xét thấy, các đương sự đều trình bày có tài sản chung và nợ chung. Vào ngày 02/7/2018 Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang đã ra thông báo số 05/2018/TB-TA gửi đến các đương sự yêu cầu ông Nguyễn Công T1 và bà Đỗ Thị Anh T2 trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được

thông báo hoặc kể từ ngày thông báo được niêm yết công khai theo quy định ông bà phải nộp đơn khởi kiện đối với phần tài sản và nợ chung để Tòa án giải quyết (Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đến tay các đương sự). Tuy nhiên phía ông T1 và bà T2 đều có ý kiến các bên tự thỏa thuận về vấn đề tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Đồng thời tại phiên tòa hôm nay phía các đương sự vẫn giữ nguyên ý của mình, không yêu cầu Tòa án xem xét đến phần tài sản chung và nợ chung do đó Hội đồng xét xử miễn xét. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp thì sẽ khởi kiện thành một vụ án khác.

[5] Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất , tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Thẩm phán từ khi thụ lý giải quyết vụ án, cũng như Hội đồng xét xử tại phiên Tòa hôm nay đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: về hôn nhân xét thấy giữa ông T1 và bà T2 chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Công T1 và bà Đỗ Thị Anh T2 là vợ chồng. Về tài sản chung và nợ chung: do các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác. Xét thấy ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất là có cơ sở để được Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình nghị án.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Công T1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, các Điều 8, Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Khoản 4 điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016

hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

1/. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Công T1 và bà Đỗ Thị Anh T2 là vợ chồng.

2/. Về con chung: Các con của ông T1 và bà T2 đã trưởng thành trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử miễn xét.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên miễn xét. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác.

4/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Công T1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003408 ngày 11/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó ông T1 không phải nộp thêm.

5/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Hòn Đất;
- THA huyện Hòn Đất;
- Đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn An